

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH TUY PHONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **33/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 28/8/2020

V/v “*Xin ly hôn, nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG -TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thanh Nữ Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trọng Di

2. Ông Phạm Lê Thụy

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lâm Thị Mỹ Kỳ - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Lư Ngọc Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 134/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020 về việc: “Xin ly hôn, nuôi con chung ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2020/QĐST- HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Đỗ Thị Kim H, sinh năm 1998

Địa chỉ: xóm A, xã M, huyện T, tỉnh Bình Thuận

Bị đơn: ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1994

Địa chỉ: dân phố B, khu phố G, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận;

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 14/02/2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim H trình bày: bà và ông Nguyễn Văn E tìm hiểu nhau vào năm 2015 đến năm

2016 xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tình yêu tự nguyện, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi cho vợ chồng bà.

Năm 2017 vợ chồng có đến UBND thị trấn P để đăng ký kết hôn.

Sau khi xác lập quan hệ vợ chồng về nhà cha mẹ bà ở vì gia đình bà chỉ có hai anh em, anh bà đang ở thành phố chỉ còn bà ở nhà với cha mẹ.

Cuộc sống chung của vợ chồng bà hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân ông E không lo đi làm nuôi con, để một mình bà gánh kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, khi cãi nhau thì ông E về nhà cha mẹ ông E kể lại nên gia đình ông E không thích bà. Đầu năm 2020 vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn nên ông E về nhà ông E ở, hai bên gia đình có hòa giải cho vợ chồng.

Sau khi hòa giải thì ông E có lên thăm con vài lần rồi không lên nữa, từ đó vợ chồng không còn quan hệ, không quan tâm đến nhau, bà có gọi điện thoại nhiều lần nhưng ông E không về nhà. Cảm thấy cuộc sống chung như vậy không thể kéo dài nên bà làm đơn xin ly hôn với ông E.

Về con chung: bà và ông E có 01 con chung Nguyễn Thị Kim N – sinh ngày 17/4/2017 hiện con đang ở với bà, bà tiếp tục yêu cầu được nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến khi trưởng thành không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn E: ông E hiện có mặt tại địa phương Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong tổng đạt cho ông các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hòa giải lần 2 và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông không đồng ý đến Tòa án để giải quyết ly hôn với bà Đỗ Thị Kim H cũng như không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 23/6/2020 thì ông E trình bày: ông và bà Đỗ Thị Kim H xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2016 cơ sở tự nguyện tìm hiểu, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi cho vợ chồng ông.

Năm 2017 vợ chồng có đến UBND thị trấn P để đăng ký kết hôn.

Sau khi xác lập quan hệ vợ chồng về nhà cha mẹ bà H ở vì gia đình bà H chỉ có hai anh em, anh bà đang ở thành phố chỉ còn bà H ở nhà với cha mẹ, cuộc sống chung vợ chồng chỉ hạnh phúc một thời gian ngắn rồi phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân kinh tế khi ông làm có tiền thì bà H vui vẻ khi không có là kiếm chuyện cãi nhau, mỗi lần cãi nhau thì ông về nhà cha mẹ ông ở mấy hôm thì vợ chồng lại đoàn tụ.

Năm 2019 vợ chồng mâu thuẫn ông về nhà cha mẹ ở vài ngày rồi về nhà bà H.

Đầu năm 2020 vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn nên ông về nhà cha mẹ ở từ đó đến nay. Vợ chồng có liên lạc với nhau chủ yếu để thăm con, việc bà H làm đơn ly hôn thì bà H có báo với ông.

Ý kiến của ông là vợ chồng ông không còn tình cảm nếu có đoàn tụ thì vợ chồng cũng không hạnh phúc nên ông đồng ý ly hôn với bà Đỗ Thị Kim H.

Về con chung: ông và bà H có 01 con chung Nguyễn Thị Kim N – sinh ngày 17/4/2017 hiện con đang ở với bà H, ông đồng ý giao cho bà H tiếp tục được nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến khi trưởng thành ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật của thư ký phiên tòa: thư ký đã tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 237 và Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

- Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Nguyễn Văn E: không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên hòa giải. Ông E vắng mặt tại phiên tòa ngày 07/8/2020 đến phiên tòa hôm nay ông E tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đỗ Thị Kim H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: ông Nguyễn Văn E có hộ khẩu thường trú tại dân phố B, khu phố G, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy yêu cầu khởi kiện “ly hôn, nuôi con chung” của Đỗ Thị Kim H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn E đã nhận văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của vụ án. Tòa án ghi lời khai ông E nhưng ông E đồng ý đến Tòa tham gia hòa giải và xét xử mà không có lý do chính đáng, do ông E vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: hôn nhân giữa bà Đỗ Thị Kim H và ông Nguyễn Văn E được xác lập là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện và và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm thường xuyên cãi nhau do kinh tế, dù đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng vợ chồng không đoàn tụ.

Xét thấy cuộc sống vợ chồng của bà Thi và ông E có mâu thuẫn làm tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và ông E cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H. Do đó bà H xin ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên cần được HĐXX chấp nhận yêu cầu, xử cho bà H được ly hôn với ông E.

[3] Về con chung: bà và ông Tiên có 01 con chung Nguyễn Thị Kim N – sinh ngày 17/4/2017 hiện con đang ở với bà H, bà H tiếp tục yêu cầu được nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến khi trưởng thành, bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy cháu N đã ở với bà H từ khi ông E bỏ đi và bà H đảm bảo đủ điều kiện để cháu N phát triển, ý kiến của ông E cũng đồng ý giao cháu N cho bà H nuôi dưỡng đến khi trưởng thành vì sự thỏa thuận của các đương sự trong vụ án là hợp pháp nên Hội đồng xét xử công nhận tiếp tục giao cho bà H nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến khi trưởng thành.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết quan hệ này.

[5] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án thì bà H là người có yêu

cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Bà Đỗ Thị Kim H được ly hôn với ông Nguyễn Văn E

3/ Về con chung: giao cho bà Đỗ Thị Kim H tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con chung Nguyễn Thị Kim N – sinh ngày 17/4/2017 đến khi con trưởng thành và bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Bà H không được cản trở ông E việc trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

4/ Về án phí: bà Đỗ Thị Kim H phải nộp **300.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Bà H đã nộp **300.000** đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 0006838 ngày 14/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà H đã nộp đủ án phí.

5/ Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND tt Phan Rí Cửa;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thanh Nữ Kiều Oanh